

Đặc tả cấu trúc thông tin mẫu Phiếu Xét Nghiệm Chẩn Đoán Rối Loạn Đông Máu

Bảng mô tả định dạng

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	
I	Thông tin bệnh nhân	1.1	ID	Mã định danh phiếu/giấy	Số nguyên	25	
I	Thông tin bệnh nhân	1.2	MaBenhNhan	Mã bệnh nhân	Chuỗi	25	
I	Thông tin bệnh nhân	1.3	MaHoSo	Mã hồ sơ bệnh án	Chuỗi	25	
I	Thông tin bệnh nhân	1.4	HoVaTenBenhNhan	Họ tên người bệnh	Chuỗi	250	
I	Thông tin bệnh nhân	1.5	Tuoi	Tuổi bệnh nhân	Số nguyên	4	
I	Thông tin bệnh nhân	1.6	GioiTinh	Giới tính của người bệnh. Giá trị enum gồm: 1 – Nam, 2 – Nữ, 3 – Không biết, 4 – Chưa xác định.	Số nguyên	1	Theo BHYT: 1: Nam; 2: Nữ; 3: Chưa xác định
I	Thông tin bệnh nhân	1.7	DiaChi	Địa chỉ	Chuỗi	500	
I	Thông tin bệnh nhân	1.8	SoTheBHYT	Số thẻ BHYT	Chuỗi	25	Theo BHYT

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	
I	Thông tin bệnh nhân	1.9	SoYTe	Sở Y tế	Chuỗi	250	
I	Thông tin bệnh nhân	1.10	BenhVien	Bệnh viện	Chuỗi	250	
I	Thông tin bệnh nhân	1.11	MaKhoa	Mã khoa	Chuỗi	25	Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5
I	Thông tin bệnh nhân	1.12	Khoa	Tên khoa	Chuỗi	250	Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5
I	Thông tin bệnh nhân	1.13	Buong	Buồng	Chuỗi	50	
I	Thông tin bệnh nhân	1.14	Giuong	Giường	Chuỗi	50	
I	Thông tin bệnh nhân	1.15	LoaiXetNghiem	Loại xét nghiệm 1-Thường 2-Cấp cứu	Số nguyên	1	
I	Thông tin bệnh nhân	1.16	ChanDoanLamSang	Chẩn đoán lâm sàng	Chuỗi	1000	Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	Độ dài dữ liệu	
I	Thông tin bệnh nhân	1.17	TomTatBenhLy	Tóm tắt bệnh lý	Chuỗi	2000	
I	Thông tin bệnh nhân	1.18	MaQuanLy	Mã quản lý	Số nguyên	25	
I	Thông tin bệnh nhân	1.19	NgaySinh	Ngày sinh bệnh nhân	Ngày	YYYY/MM/DD	
I	Thông tin bệnh nhân	1.20	NgayVaoVien	Ngày vào viện	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
I	Thông tin bệnh nhân	1.21	MaCSKCB	Mã cơ sở khám chữa bệnh	Chuỗi	25	
I	Thông tin bệnh nhân	1.22	IDMauPhieu	Mã định danh mẫu phiếu	Số nguyên	5	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.1	TgMauChay_Phut	Thời gian máu chảy (phút)	Chuỗi	50	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.2	TgMauDong_Phut	Thời gian máu đông (phút)	Chuỗi	50	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.3	CoCucMau_MucDo	Mức độ co cục máu	Chuỗi	100	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.4	PT_Giay	Thời gian Prothrombin (giây)	Chuỗi	50	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.5	PT_PhanTram	Prothrombin (%)	Chuỗi	50	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.6	PT_INR	INR	Chuỗi	50	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.7	TgHowell_Phut	Thời gian Howell (phút)	Chuỗi	50	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.8	APTT_Giay	APTT (giây)	Chuỗi	50	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.9	APTT_ChìSoBenh	APTT – chỉ số bệnh/chứng	Chuỗi	50	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.10	TT_Giay	Thrombin time (giây)	Chuỗi	50	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.11	TT_ChìSoBenh	TT – chỉ số bệnh/chứng	Chuỗi	50	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.12	NghiemPhapRuou	Nghiệm pháp rượu (Dương/Âm)	Chuỗi	20	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.13	NghiemPhapVonKaulla	Nghiệm pháp Von Kaulla (Dương/Âm)	Chuỗi	20	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.14	NgungTieuCau_ADP	Ngưng tập tiểu cầu với ADP (%)	Chuỗi	50	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.15	NgungTieuCau_Collagen	Ngưng tập tiểu cầu với Collagen (%)	Chuỗi	50	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.16	NgungTieuCau_Ristocetin	Ngưng tập tiểu cầu với Ristocetin (%)	Chuỗi	50	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.17	YeuTo3_TC	Yếu tố 3 tiểu cầu (%)	Chuỗi	50	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.18	YeuTo4_TC	Yếu tố 4 tiểu cầu (giây)	Chuỗi	50	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.19	DinhLuongYeuToDongMau	Định lượng các yếu tố đông máu (%)	Chuỗi	200	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.20	FDP_mg_ml	FDP (mg/ml)	Chuỗi	50	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.21	D_Dimer_mg_ml	D-Dimer (mg/ml)	Chuỗi	50	
II	Chi tiết xét nghiệm	2.22	XetNghiemKhac	Xét nghiệm khác	Chuỗi	500	
III	Kết luận	3.1	NhanXet	Nhận xét tổng hợp	Chuỗi	1000	
III	Kết luận	3.2	BacSiDieuTri	Bác sĩ điều trị	Chuỗi	250	
III	Kết luận	3.3	NgayKyBacSiDieuTri	Ngày ký bác sĩ điều trị	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
III	Kết luận	3.4	TruongKhoaXetNghiem	Trưởng khoa xét nghiệm	Chuỗi	250	
III	Kết luận	3.5	NgayKyTruongKhoaXetNghiem	Ngày ký trưởng khoa	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
III	Kết luận	3.6	MaTruongKhoaXetNghiem	Mã trưởng khoa xét nghiệm	Chuỗi	25	
III	Kết luận	3.7	MaBacSiDieuTri	Mã bác sĩ điều trị	Chuỗi	25	

Chuỗi Json:

```
{
  "ID":0,
  "MaBenhNhan": "",
  "MaHoSo": "HS20260309001",
  "HoVaTenBenhNhan": "Nguyễn Văn A",
  "Tuoi": 52,
  "GioiTinh": 1,
  "DiaChi": "Quận 5, TP Hồ Chí Minh",
  "SoTheBHYT": "DN4012345678901",
  "SoYTe": "Sở Y tế TP Hồ Chí Minh",
  "BenhVien": "Bệnh viện Chợ Rẫy",
  "MaKhoa": "KHOA_HH",
  "Khoa": "Khoa Huyết học",
  "Buong": "B12",
  "Giuong": "05",
  "LoaiXetNghiem": 1,
  "ChanDoanLamSang": "Theo dõi rối loạn đông máu",
  "TomTatBenhLy": "Bệnh nhân có biểu hiện xuất huyết dưới da, nghi ngờ rối loạn đông máu.",
  "MaQuanLy": 150058,
  "NgaySinh": "1974/06/12",
  "NgayVaoVien": "2026/03/09 08:30",
  "MaCSKCB": "79019",
  "IDMauPhieu": 1014,
  "TgMauChay_Phut": "3",
  "TgMauDong_Phut": "8",
  "CoCucMau_MucDo": "Bình thường",
  "PT_Giay": "12",
  "PT_PhanTram": "95",
  "PT_INR": "1.0",
  "TgHowell_Phut": "2",
  "APTT_Giay": "32",
```

"APTT_ChiSoBenh": "1.0",
"TT_Giay": "15",
"TT_ChiSoBenh": "1.0",
"NghiemPhapRuou": "Âm tính",
"NghiemPhapVonKaulla": "Âm tính",
"NgungTieuCau_ADP": "65",
"NgungTieuCau_Collagen": "70",
"NgungTieuCau_Ristocetin": "75",
"YeuTo3_TC": "80",
"YeuTo4_TC": "35",
"DinhLuongYeuToDongMau": "Yếu tố VIII: 90%, Yếu tố IX: 95%",
"FDP_mg_ml": "5",
"D_Dimer_mg_ml": "0.3",
"XetNghiemKhac": "Không phát hiện bất thường khác",
"NhanXet": "Các chỉ số đông máu trong giới hạn bình thường.",
"BacSiDieuTri": "Trần Văn B",
"NgayKyBacSiDieuTri": "2026/03/09 11:20",
"TruongKhoaXetNghiem": "Phạm Văn C",
"NgayKyTruongKhoaXetNghiem": "2026/03/09 11:30",
"MaTruongKhoaXetNghiem": "BS010",
"MaBacSiDieuTri": "BS001"
}